

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14 -9-2018

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tuyên

2. Ông Nguyễn Trọng Quân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý- Kiểm sát viên.

Ngày 14- 9-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1989
Nơi ĐKKHKT: Thôn 5, xã V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện ở tại: Thôn 1, xã V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lưu Văn T - sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn 5, xã V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lưu Văn T kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H (nay thuộc thành phố T), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn 5,

xã V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm, lối sống trái ngược nhau, không hòa hợp. Anh T không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình, có lần còn đánh chị, đánh con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2016 đến nay, chị đã về ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn 1, xã V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Lưu Thảo V- sinh ngày 15/4/2011 và cháu Lưu Vũ D- sinh ngày 30/6/2012. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, chị đề nghị được nuôi 02 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/01 con. Tại biên bản hòa giải ngày 28/8/2018, chị đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và các tài liệu khác trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lưu Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh đồng ý với lời khai của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Tại bản tự khai, anh T không đồng ý ly hôn. Tại biên bản hòa giải ngày 28/8/2018, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung như chị H trình bày. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Anh T và chị H quá trình sinh sống tại địa phương (thôn 5, xã V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa) có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không rõ nhưng tháng 1/2018, chị H có đơn trình bày với địa phương về tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp. Chị H đã về ở với bố mẹ đẻ ở thôn 1, xã V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng anh T, chị H đã ly thân. Về con, anh chị có 02 con chung như anh chị trình bày.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung: chị vẫn có nguyện vọng được nuôi 02 cháu V và D, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nhưng nếu không được nuôi cả hai thì chị nuôi cháu nào cũng được, hiện nay cháu D đang ở với chị; về tài sản và công nợ: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung: anh có nguyện vọng nuôi 02 cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Nhưng nếu không được nuôi cả hai thì anh

có nguyện vọng nuôi cháu V vì hiện nay cháu đang ở với anh. Về tài sản, công nợ: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[*Về thẩm quyền:* Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Việc Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự].

[*Về hôn nhân:* Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh chị đều thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm, lối sống trái ngược nhau. Vợ chồng đã ly thân được hơn 01 năm. Chị H có đơn ly hôn, anh Tuấn đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật HN và GD công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị].

[*Về con chung:* Anh chị có 02 con chung là cháu Lưu Thảo V- sinh ngày 15/4/2011 và cháu Lưu Vũ D- sinh ngày 30/6/2012. Anh T và chị H đều có nguyện vọng trực tiếp được nuôi 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng. Trường hợp không được nuôi cả hai thì anh T đề nghị được nuôi cháu V vì hiện nay cháu đang ở với anh, còn chị H đề nghị được nuôi cháu nào cũng được, hiện cháu D đang ở với chị. Vì vậy, nên giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 116 Luật Hôn nhân và gia đình].

[*Về tài sản, công nợ:* Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết].

[*Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, chị Hiền chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật].

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82,

Điều 83, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Lưu Thảo V- sinh ngày 15/4/2011 và cháu Lưu Vũ D- sinh ngày 30/6/2012. Giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0005285 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị H đã nộp đủ án phí).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND xã Thiệu Văn.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thị Minh Hạnh